



Năng Lực Quốc Tế. Lợi Thế Địa Phương

ĐIỀU LỆ

*QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF
(VCBF - TBF)*

Tháng 5 năm 2016

Việc công bố tại thời điểm này nhằm mục đích cung cấp thông tin. Các tài liệu đăng ký Ngân hàng Giám sát vẫn chưa được chấp thuận bởi cơ quan nhà nước. Theo đó, quá trình chuyển giao quyền và nghĩa vụ sang cho Ngân hàng giám sát mới sẽ bị trì hoãn và khi quy trình này hoàn tất, Điều lệ và Bản cáo bạch quỹ VCBF-TBF được cung cấp tại đây có hiệu lực đầy đủ.

**ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF
ĐƯỢC QUẢN LÝ BỞI CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK**

**Bản sửa đổi theo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ ngày 15 tháng 4 năm
2016**

Nội dung

CƠ SỞ PHÁP LÝ	1
ĐỊNH NGHĨA	2
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ	6
Điều 2: Thời hạn của Quỹ	6
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	6
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán.....	6
Điều 5. Đại diện của Quỹ	6
Điều 6. Công ty quản lý quỹ.....	7
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	7
Chương II. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ	8
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	8
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	8
Điều 10. Hạn mức đầu tư.....	9
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ	12
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	12
Chương III. NGƯỜI SỞ HỮU ĐƠN VỊ QUỸ, SỔ ĐĂNG KÝ NGƯỜI SỞ HỮU ĐƠN VỊ QUỸ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	12
Điều 13. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ	13
Điều 15. Sổ Đăng Ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.....	13
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	14
Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ .	15
Điều 18. Phí, giá mua và bán Đơn Vị Quỹ	16
Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ	18
Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	18
Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư	18
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	19
Điều 22. Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	20
Điều 23. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	21
Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
Điều 24. Ban Đại diện Quỹ	21
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	22
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	22
Điều 27. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ	23
Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	23
Điều 29. Hợp Ban Đại Diện Quỹ	23
Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	24
Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	24
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	24
Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	25
Điều 33. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	26
Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	27
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	27

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát.....	27
Điều 36. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát.....	28
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát.....	30
Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN.....	30
Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền.....	30
Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.....	30
Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.....	31
Điều 41. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	32
Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	33
Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	34
Điều 43. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ.....	34
Điều 44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối.....	34
Điều 45. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	35
Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	36
Điều 46. Công ty kiểm toán.....	36
Điều 47. Năm tài chính.....	36
Điều 48. Chế độ kế toán.....	36
Điều 49. Báo cáo tài chính.....	36
Điều 50. Báo cáo khác.....	37
Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	37
Điều 51. Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”).....	37
Điều 52. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ.....	38
Điều 53. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	44
Điều 54. Đền bù thiệt hại cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và Quỹ.....	45
Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	46
CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ.....	46
Điều 56. Phân phối lợi nhuận.....	46
Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ.....	47
CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	48
Điều 58. Các điều kiện để hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ.....	48
Điều 59. Điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ.....	49
Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích.....	49
Điều 61. Thông báo và công bố thông tin.....	49
Điều 62. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ.....	50
Điều 63. Hiệu lực của Điều Lệ.....	50
Phụ lục 1.....	51
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	51
Phụ lục 2.....	53
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	53
Phụ lục 3.....	54
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	54
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	54

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010;
2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
3. Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi Nghị định 58/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Luật Chứng khoán sửa đổi;
4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Thông tư 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;
6. Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
9. Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam;
10. Thông tư 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về thành lập và quản lý quỹ mở;
11. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

ĐỊNH NGHĨA

“Ban Đại Diện Quỹ” hoặc “BDDQ”	có nghĩa là những người đại diện cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra và đại diện cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ để giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Bản Cáo Bạch ”	có nghĩa là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ ra công chúng.
"Chủ Tịch"	có nghĩa là chủ tịch của Ban Đại Diện Quỹ
“Chứng Chỉ Quỹ”	Là chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, đã được thanh toán đầy đủ và là bằng chứng về quyền sở hữu hợp pháp của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ.
“Cổ Tức Quỹ”	là các khoản lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ mà Quỹ phân phối cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “CTQLQ”	có nghĩa là Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 30 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 31 của Điều Lệ này.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của các Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	có nghĩa là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền theo như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này.
“Điều Lệ”	có nghĩa là văn bản này, các phụ lục đính kèm ở đây và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua vào từng thời điểm và áp dụng cho Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng

giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

“Đơn Vị Quỹ”	là đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà người sở hữu một Đơn Vị Quỹ có một quyền biểu quyết.
“Đồng Việt Nam” hoặc “VND”	có nghĩa đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hoặc “NAV”	có nghĩa là tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Hợp Đồng Giám Sát”	có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	Là lệnh bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là được sở hữu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	Là lệnh chuyển đổi quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận là sở hữu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	Là lệnh chuyển nhượng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện.
“Lệnh Được Chấp Nhận”	Là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Năm Tài Chính”	có nghĩa như định nghĩa tại Điều 47 của Điều Lệ này.

“Ngày Định Giá”	Là ngày NAV của Quỹ được xác định và được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.
“Ngày Giao Dịch”	có nghĩa như quy định tại Điều 16.2 của Điều Lệ này.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngân Hàng Giám Sát”	có nghĩa là ngân hàng quy định tại Điều 7 được chỉ định để cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định trong Điều 35 của Điều Lệ này.
“Nghị Quyết Đặc Biệt”	có nghĩa là nghị quyết được Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 3 Điều 22.
“Nghị Quyết Thông Thường”	có nghĩa là một nghị quyết được Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 3 Điều 22.
“Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ”	là nhà đầu tư được đăng ký là người sở hữu Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký.
“Pháp Luật”	có nghĩa là pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Quỹ”	có nghĩa là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF, một loại hình quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo các quy định hiện hành về chứng khoán tại Việt Nam và Điều Lệ này.
“Sổ Đăng Ký”	có nghĩa là sổ đăng ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chính để ghi nhận các thông tin về Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Sổ Đăng Ký được gọi tắt là Sổ Chính.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	có nghĩa là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối có thể nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ để thực hiện vào Ngày Giao Dịch và được xác định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

“UBCKNN”	có nghĩa là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
“Vốn Điều Lệ”	là số vốn huy động từ các nhà đầu tư trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định của Pháp Luật với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều Lệ này.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ

Tên tiếng Việt : QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF
Tên tiếng Anh: VCBF Tactical Balanced Fund
Địa chỉ liên hệ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank,
Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội
Điện thoại: (+84)-4-39364540 Fax : (+84)-4-39364542
Website: www.vcbf.com.

Điều 2: Thời hạn của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50,000,000,000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng Việt Nam).
Vốn Điều Lệ của Quỹ là 60.426.614.500 (sáu mươi tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm Đồng Việt Nam).
2. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

Điều 5. Đại diện của Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo pháp luật của Quỹ chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005

Trụ sở chính: Tầng 15, toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 844.39364540

Fax: 844.39364542

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015

Địa chỉ liên hệ: P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 844 39368000

Fax: 844 32484355

Chương II. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Loại hình đầu tư	Rủi ro	Tỷ trọng trong NAV
Cổ phiếu	Trung bình tới cao	50,0%
Tài sản có thu nhập cố định (kể cả tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát)	Thấp tới Trung bình	50,0%

- Việc phân bổ tài sản có thể sẽ thay đổi $\pm 25,0\%$ (cộng hoặc trừ hai mươi lăm phần trăm) so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư nhằm vào tăng trưởng vốn.
- Chiến lược đầu tư tạm thời: Phù hợp với quy định của Pháp Luật, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các nhà đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100,0% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ bằng tiền, các khoản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư được đề ra.

3. Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được niêm yết hoặc được phát hành bởi các công ty niêm yết có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.
4. Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng, cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.
5. Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Công Ty Quản Lý Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.
6. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Điều 10. Hạn mức đầu tư

1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:
 - a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá 49,0% (bốn mươi chín phần trăm) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - b. Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) theo quy định tại Khoản 2 Điều này, có giá trị từ 5,0% (năm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ sẽ không được vượt quá 40,0% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - c. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật (không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh), trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, cổ

phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá 30,0% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

- d. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e. Tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng khoán trừ trái phiếu Chính phủ của một tổ chức phát hành không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f. Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng và cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

2. Quỹ sẽ chỉ đầu tư vào các loại tài sản đăng ký hoặc phát hành ở Việt Nam, cụ thể như sau:

- a. Tài sản có thu nhập cố định
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;
 - Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật;
 - Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành mà đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trái phiếu trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.

- b. Cổ phiếu
 - Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch;
 - Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.
 - c. Công cụ phái sinh
Chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch trên sàn chứng khoán mà chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
 - d. Các cổ phiếu và trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch và các quyền tài sản
 - Các khoản đầu tư của Quỹ vào trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch cần phải được chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ nêu rõ về loại (mã) chứng khoán, số lượng và giá trị của giao dịch và thời điểm thực hiện và đối tác giao dịch.
 - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
3. Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:
- a. Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - b. Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hoá.
4. Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra tại Khoản 1 của Điều này, ngoại trừ điểm g Khoản 1 của Điều này và chỉ vì các lý do sau:
- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b. Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
 - c. Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - d. Các hoạt động sáp nhập và hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
 - f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
5. Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 1 của Điều này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.
6. Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi Pháp Luật hoặc Điều lệ hoặc Bản Cáo Bạch, CTQLQ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Quỹ không được cho vay hoặc thực hiện bảo lãnh, và không được vay nợ trừ các khoản vay ngắn hạn, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả với giới hạn tối đa là 5,0% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày để phục vụ cho các chi phí hoạt động của Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư.
2. Tài sản của Quỹ không được sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ hoặc dùng để cầm cố mua chứng khoán cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.
3. Quỹ không thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp tuân thủ theo quy định tại Điều Lệ này bao gồm nhưng không giới hạn quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 và Pháp Luật.

Chương III. NGƯỜI SỞ HỮU ĐƠN VỊ QUỸ, SỔ ĐĂNG KÝ NGƯỜI SỞ HỮU ĐƠN VỊ QUỸ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ

1. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của Quỹ có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.
2. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế và xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được cho phép đầu tư vào Quỹ. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang nắm giữ. Bất kỳ sự bỏ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
3. Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và trở thành Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đơn đăng ký và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ

1. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền:

- a. nhận thanh toán và phân chia, nếu có, do Quỹ thực hiện trong từng thời điểm và được phân chia tài sản hợp pháp nếu Quỹ bị thanh lý;
- b. yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ;
- c. thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- d. chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ phi thương mại phù hợp với quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;
- e. các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

2. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có nghĩa vụ:

- a. chịu trách nhiệm với tư cách là người sở hữu Quỹ đối với các tổn thất hoặc nợ của Quỹ, nếu có, được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ ;
- b. tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu được ủy quyền để đưa ra các quyết định đó;
- c. đồng ý rằng các thông tin của Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ có thể tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- d. Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Chính và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý sổ đăng ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ phụ (“Sổ Phụ”) để chứng nhận quyền sở hữu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với Chứng Chỉ Quỹ.

2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ.
- b. Thông tin về Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, bao gồm:
 - Đối với Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ là cá nhân: Họ và tên của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);
 - Đối với Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu

còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó.

- c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ là nhà đầu tư nước ngoài;
 - d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ Đăng Ký hoặc Sổ phụ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ theo yêu cầu của Pháp Luật, ngoại trừ thông tin về Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của các đại lý ký danh nước ngoài. Thông tin về phần nắm giữ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và của đại lý ký danh nước ngoài trong Sổ Đăng Ký sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm khi thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu Ngày Thứ Tư không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Nếu Ngày Làm Việc tiếp theo đó là ngày Thứ Ba, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Tư của tuần đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch hoặc/và Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

3. Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.
4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ.
5. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó nắm giữ.
6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được xác nhận là do

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ và sẽ được coi là cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận.

7. Phù hợp với quy định tại Điều 17, Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.
8. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng để thực hiện trong Ngày Giao Dịch là vào 10h30 ngày T-1 tại các Điểm Nhận Lệnh và cho việc thanh toán các lệnh mua trước 14h00 của ngày T-1 vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
9. Tất cả các thanh toán để mua Đơn Vị Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
10. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Đơn Vị Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là “SIP”). Theo đó, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng để mua các Đơn Vị Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, phí giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
 - a. Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Các nguyên nhân của việc thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận này phải được thông báo trực tiếp cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày Lệnh Được Chấp Nhận hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ.

2. Việc thực hiện một phần lệnh bán và lệnh chuyển đổi của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa thực hiện sẽ được hủy. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Các điều kiện bất khả kháng;
- b. NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
- c. NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;
- d. Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tạm ngừng dịch vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng; hoặc
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo BDDQ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

4. Với Lệnh Mua Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần, mọi tiền lãi có được do Quỹ nhận được thanh toán cho việc thực hiện một phần Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ thuộc về Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và được nhập vào khoản gốc của Lệnh Mua Được Chấp Nhận, trừ khi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có yêu cầu khác.
5. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tối đa sẽ là 90 ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 3 của Điều này chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Phí, giá mua và bán Đơn Vị Quỹ

Phí liên quan đến giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trực tiếp thanh toán và không tính vào chi phí của Quỹ.

1. Phí Mua

Phí mua được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của lệnh mua, cụ thể như sau:

Giá trị của Lệnh Mua – đồng	Phí Mua (% giá trị Lệnh Mua)
1.000.000 VNĐ đến 500.000.000 VNĐ	2,0%
Trên 500.000.000 VNĐ đến 1.000.000.000 VNĐ	1,5%
Trên 1.000.000.000 VNĐ đến 10.000.000.000 VNĐ	1,0%
Trên 10.000.000.000 VNĐ đến 20.000.000.000 VNĐ	0,5%
Trên 20.000.000.000 VNĐ	0,0%

Nhà đầu tư đăng ký mua trong thời gian chứng chỉ quỹ được chào bán lần đầu ra công chúng sẽ được hưởng mức giảm trừ 20% phí mua.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu phí mua.

Nhà đầu tư tham gia chương trình đầu tư định kỳ hàng tháng trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục sẽ được giảm trừ 20% phí mua.

2. Phí bán

Phí bán được áp dụng cho NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ theo thời gian nắm giữ như sau:

Thời Gian Nắm Giữ	Phí Bán (% của NAV)
01 tháng hoặc ngắn hơn	3%
Trên 1 tháng đến 12 tháng *)	1,0% (1,4% đối với Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ)
Trên 12 tháng đến 24 tháng	0,5%
Trên 24 tháng	0,0%

*) Phí Bán 1.4% áp dụng đối với việc rời Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ trong vòng dưới 12 tháng kể từ ngày tham gia.

Thời gian nắm giữ được tính toán cho mỗi lần mua, bán sử dụng phương pháp mặc định là mua trước, bán trước.

Phí bán sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các nhà đầu tư khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán vào Quỹ như là một khoản thu nhập của Quỹ.

Mức phí cụ thể sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tại website của công ty và cập nhật tại Bản Cáo Bạch. Phù hợp với lợi ích của nhà đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể giảm phí. Mức phí chỉ được phép vượt mức nêu trên nếu phù hợp với quy định của Pháp Luật và được sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3. Phí chuyển đổi Quỹ

Ngoại trừ trường hợp được miễn phí chuyển đổi Quỹ theo quy định của Pháp Luật, phí chuyển đổi là mức chênh lệch giữa phí mua của Quỹ mục tiêu với phí mua của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không.

Lệnh chuyển đổi Quỹ sẽ không bị tính phí bán. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

4. Phí Chuyển Nhượng phi thương mại

Nhà đầu tư phải trả một mức phí chuyển nhượng duy nhất là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Phí chuyển nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán.

Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp Luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Đại Lý Chuyên Nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký với điều kiện người được thừa kế cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về thừa kế đó.

Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 10 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội.
2. Việc bất kỳ Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nào không nhận được thông báo về đại hội sẽ không làm vô hiệu những điều diễn ra tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm vào hoặc trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong thời hạn do Pháp Luật quy định theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ yêu cầu triệu tập họp sẽ phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi có sự tham gia của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của tổng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể tham gia trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền hoặc thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử được tiến hành trước hoặc tại thời điểm đại hội theo quy định của pháp luật.
6. Nếu trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời gian dự kiến tiến hành đại hội, nếu tỷ lệ tham dự tối thiểu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ không đạt yêu cầu, Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất không được tiến hành, Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất mà không có yêu cầu tỷ lệ tối thiểu Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tham dự.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục báo cáo theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà đầu tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều Lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.
2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền:
 - a. Thông qua các sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Hợp đồng Giám sát hoặc kế hoạch phân phối lợi nhuận;
 - b. Thay thế Ngân Hàng Giám Sát.
 - c. Thông qua những thay đổi cơ bản về chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
 - d. Thông qua việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ;
 - e. Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trừ trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ được quyết định phù hợp với quy định của Pháp Luật; chia tách Quỹ;
 - f. Giải thể Quỹ;
 - g. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại Diện Quỹ; thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động thường niên của Quỹ;
 - h. Thông qua việc tăng phí thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
 - i. Chấm dứt và thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - j. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.

3. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b đến điểm i, của Khoản 2 của Điều này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Điều 22. Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, biểu quyết nghị quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu và/hoặc thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử được tiến hành tại hoặc trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Theo yêu cầu của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc ít nhất ba Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền của họ, bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một lá phiếu.
3. Nghị quyết sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua nếu được những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp thông qua (“Nghị Quyết Thông Thường”), trừ khi nghị quyết đó liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm b,c, d, h, hoặc i của Khoản 2 hoặc Khoản 3 của Điều 21, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp thông qua (“Nghị Quyết Đặc Biệt”).
4. Các vấn đề do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định cũng có thể được thông qua bằng việc gửi nghị quyết bằng văn bản dưới hình thức bản in hoặc bất cứ hình thức hợp pháp khác tới tất cả Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và xin ý kiến của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ bằng văn bản. Bất cứ vấn đề nào được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản sẽ chỉ được thông qua nếu được Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đại diện cho ít nhất 51% (năm một phần trăm) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành thông qua.
5. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai được tổ chức theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 của Điều Lệ này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi được những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp thông qua cho mọi vấn đề trừ vấn đề quy định tại Điểm b,c, d, h, i của Khoản 2 hoặc Khoản 3 của Điều 21, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp thông qua.
6. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời họp.
7. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có trên một phiếu bầu sẽ không cần phải bỏ tất cả các lá phiếu với kết quả giống nhau. Quyền biểu quyết bằng việc bỏ các lá phiếu không theo kết quả giống nhau sẽ không áp dụng trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng việc giơ tay.

8. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, BDDQ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN.

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ phản đối quyết định về các nội dung quy định tại điểm b), c), d), h), i) Khoản 2 Điều 21 có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, số tài khoản lưu ký và số lượng Đơn Vị Quỹ và gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý ký danh trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản được công bố.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý phân phối. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 của Điều này, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó không phải trả phí mua lại hoặc phí chuyển đổi.

Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
2. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm:
 - a. ít nhất 1 (một) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của Quỹ chịu sự điều chỉnh của Điều Lệ này, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
 - b. ít nhất 1 (một) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của Quỹ chịu sự điều chỉnh của Điều Lệ này, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
 - c. ít nhất 1 (một) thành viên, không cần thiết phải là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của Quỹ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
 - a. có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b. không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu trên.
2. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 3 (ba) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
3. Thành viên không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức tuy nhiên với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ tịch và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất 60 (sáu mươi) ngày.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch.
3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề mâu thuẫn giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp Luật;
4. Quyết định các vấn đề phù hợp với Điều 21 của Điều Lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.
5. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của BDDQ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) Ngày Làm Việc, kể từ ngày BDDQ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 của Điều này;
7. Trong trường hợp quyết định do BDDQ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

8. Các quyền và nghĩa vụ khác.

Điều 27. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch là thành viên độc lập, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư, trừ trường hợp được quyết định khác theo Khoản 1 Điều 22;
 - b. yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và
 - c. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Trong trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ Tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch. Trong trường hợp thành viên đó vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ Tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ Tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ Tịch mới được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

- a. bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d. không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Điều Lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 29. Họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.

2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên tham dự và 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ Tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với NHGS;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, tuân thủ Điều Lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:
 - a. nhận phí quản lý như quy định tại Điều 57 của Điều Lệ này;
 - b. Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
 - c. tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ;
 - d. đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
 - e. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch Của Quỹ và Pháp Luật.

Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - b. Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
 - c. Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác. Công ty quản lý quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 30 của Điều Lệ này. Công ty quản lý quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo công ty quản lý quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ
Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 của Điều này, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 33. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác, nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại Các Công Ty Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Đơn Vị Quỹ bằng với giá mua hoặc giá bán.
3. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc hoặc nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng 15 (mười lăm) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
4. Trong quá trình kinh doanh, Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoại trừ khoản phí và thưởng như quy định trong Bản Cáo Bạch Của Quỹ.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép:
 - a. sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ;
 - b. sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

- c. sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật

- d. Thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Không được là người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 của Điều Lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

- a. Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong việc giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- b. Ngân Hàng Giám Sát sẽ đóng vai trò là ngân hàng giám sát và lưu ký cho các tài sản của Quỹ và phải đảm bảo hoạt động quản trị Quỹ, đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ khác được tiến hành theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải giám sát việc tính toán NAV của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ và đảm bảo NAV được tính toán chính xác.

- c. Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
 - d. Ngân Hàng Giám Sát phải xử lý các chỉ thị hợp pháp và hợp lệ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc từ chối các chỉ thị đó nếu có cơ sở tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối cùng với lý do phải được gửi bằng văn bản tới Công Ty Quản Lý Quỹ và bản sao của việc từ chối này phải được gửi đến UBCKNN.
 - e. Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - f. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát
- a. Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
 - b. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
 - c. Được quyền nhận phí cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.
3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 36. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát được đề cập trong Hợp đồng giám sát giữa Ngân hàng giám sát và Công ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
 - a. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực

hiện công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

- b. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e. Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.
 5. Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho BDDQ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Ngân Hàng Giám Sát giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - c. Quỹ bị giải thể;
 - d. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành.
3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp

Tổ chức được lựa chọn phải là tổ chức được Pháp Luật cho phép cung cấp dịch vụ đó. Nhân sự cung cấp dịch vụ phải có kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên để đạt đến các tiêu chuẩn quốc tế chuyên nghiệp tốt nhất.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo

Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với đại lý phân phối và nhà đầu tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với đại lý phân phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý phân phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

- a. Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
- Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- Xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

- b. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý Sổ Đăng Ký; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ Đăng Ký;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 41. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều Lệ này;
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

8. Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
10. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);
 - d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - e. Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f. Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - g. Quỹ bị giải thể;
 - h. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 43. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.

Điều 44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư;
3. Hỗ trợ Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 45. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

- Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư.
- Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 46. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu Tư ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong trường hợp, thời gian tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 của năm còn dưới 3 (ba) tháng, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 48. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

Điều 49. Báo cáo tài chính

- Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản

Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ ký. Các báo cáo, nếu có, của Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ và của công ty kiểm toán sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và bất cứ Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nào cũng có thể xem các báo cáo đó.
3. Tất cả các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và giao hoặc gửi cho các Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 50. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 51. Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”)

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
2. NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, NAV của Quỹ và NAV trên Đơn Vị Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và trên các trang điện tử khác trong vòng 3 (ba) ngày kể từ Ngày Định Giá và NAV của Quỹ sẽ có giá trị cho đến khi có thông báo mới. Trong trường hợp NAV bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh các sai sót đó trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi lỗi được phát hiện.
3. NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Điều 52. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ

1. Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát chấp thuận. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại diện Quỹ đồng ý.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập hội đồng định giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.
3. Phương pháp xác định NAV của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với chi tiết như sau:

1. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	+ Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá sạch “clean price” từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc

		<ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. <p>Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.</p>
7	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> +Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá + Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận
8	Trái phiếu biến động bất thường	<p>Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 5 ở trên.</p> <p>Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn $\pm 10,0\%$ khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá sạch “Clean price” từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<p>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các phương pháp định giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh ; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
10	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</p> <p>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</p> <p>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ</p>

		chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá
Các tài sản khác		
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.

- Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp chỉ số định giá so sánh được quy định tại Sổ Tay Định Giá.

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;

- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.

2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

1. Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Điều 53. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Trước Ngày Định Giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyên nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyên nhượng, chi phí quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF..), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

2. Tại Ngày Định Giá

- Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn Vị Quỹ được tính tại Ngày Định Giá;

- Công Ty Quản Lý Quỹ công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ được tính tại Ngày Định Giá.

3. Trong thời hạn một (01) ngày sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của nhà đầu tư.

4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho đại lý phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư.

5. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của nhà đầu tư

Điều 54. Đền bù thiệt hại cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và Quỹ

1. Thiệt hại gánh chịu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi NAV của Quỹ bị định giá sai và mức độ sai sót này vượt quá:

- 0,75% (bảy mươi lăm điểm cơ bản) của NAV hoặc hơn trong trường hợp quỹ trái phiếu;
- 1,0% (một phần trăm) của NAV hoặc hơn trong các trường hợp khác.

sẽ được giải quyết bằng cách điều chỉnh số lượng Đơn Vị Quỹ mà Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ bị thiệt hại nắm giữ hoặc bằng cách thanh toán bằng chuyển khoản trong trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ vượt quá 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam). Quỹ sẽ áp dụng tỷ lệ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Quỹ cho những thiệt hại mà Quỹ phải gánh chịu khi nhà đầu tư yêu cầu mua lại Chứng Chỉ Quỹ trong trường hợp sai sót vượt quá mức độ nêu tại Khoản 1 của Điều này mà không thể thu hồi từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được xác định như sau:

- Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Người Sở Hữu Đơn Vị được xác định như sau:
 - a. Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được hạch toán vào Quỹ
 - b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó..

Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình BDDQ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ

Điều 56. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 21 và Khoản 3 Điều 26 theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:
 - a. Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc
 - b. NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.
2. Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Mỗi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền mặt hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ báo cáo phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền mặt và bằng Đơn Vị Quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Phí Quản Lý

Phí quản lý được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Phí quản lý hàng năm cho Quỹ sẽ là 1.5% của NAV/năm.

Trong mọi trường hợp, tổng Phí Quản Lý tại đây, Phí Quản Trị Quỹ và Phí Đại Lý Chuyển Nhượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 của Điều này không được vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.

2. Phí trả cho Ngân Hàng Giám Sát

Phí Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu là 11.000.000 VND (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều Lệ này. Phí Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu là 11.000.000 VND (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều Lệ này. Phí lưu ký, bao gồm phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Phí quản trị Quỹ

Phí quản trị Quỹ là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (mười tám triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu này được miễn áp dụng trong vòng sáu tháng tính từ ngày Điều lệ này có hiệu lực. Phí quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

5. Phí đại lý chuyển nhượng

Phí đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VND (mười triệu đồng) một tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 (bốn trăm linh một) trở đi. Phí đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm cho đại lý chuyển nhượng.

6. Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

7. Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quỹ, các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

8. Chi phí khác

- Phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ.
- Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, chi phí công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;
- Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
- Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 58. Các điều kiện để hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
2. Việc tách Quỹ sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện (i) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ vô thời hạn giao dịch chứng khoán chiếm phần lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc (ii) theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.
3. Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 59. Điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ

1. Quỹ được thanh lý và giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc giấy phép thành lập và hoạt động quỹ bị thu hồi nhưng Ban Đại diện Quỹ không tìm được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép.
 - b. Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát bị chấm dứt bởi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi và Công Ty Quản Lý Quỹ không tìm được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi .
 - c. Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ quyết định giải thể Quỹ;
 - d. NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng Việt Nam) trong vòng 6 (sáu tháng) liên tiếp; và
 - e. các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Việc thanh lý và giải thể của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hành động một cách công bằng đối với tất cả các quỹ do mình quản lý, tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Khoản 1 Điều 31 và Khoản 3 Điều 33 của Điều Lệ này và sẽ thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và tiềm tàng. Trong trường hợp nảy sinh xung đột lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

Điều 61. Thông báo và công bố thông tin

1. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ phải được gửi đến địa chỉ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đăng ký trong Sổ Đăng Ký. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ.
2. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.
3. Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được coi là gửi cho tất cả những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ còn lại.

4. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đã được đăng ký tại Sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
5. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ. Với những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 5 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin theo quy định pháp luật và các quy định được ưu tiên áp dụng.

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ

1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết Thông Thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Khoản 2 Điều 21 và Khoản 3 và 4 Điều 22.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
 - a. Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật: Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - b. chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công Ty Quản lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công Ty Quản lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

Điều 63. Hiệu lực của Điều Lệ

Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày [●] và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho thời hạn không xác định.

Phụ lục 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: 06/UBCK/GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005.

Công Ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực và tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân Hàng Giám Sát tại mọi thời điểm;
4. Đảm bảo rằng Ban Đại diện Quỹ được thông báo về tất cả các thông tin có liên quan tới Quỹ được điều chỉnh bởi Điều Lệ này.
5. Thanh toán tất cả các khoản phí cho Ngân Hàng Giám Sát và các nhà cung cấp dịch vụ khác như quy định trong Bản Cáo Bạch Của Quỹ;
6. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho Ngân Hàng Giám Sát bao gồm các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ, báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ, bản đánh giá NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ và các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
7. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho các nhà cung cấp dịch vụ khác để hỗ trợ các nhà cung cấp này hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc nếu nhà cung cấp có yêu cầu;
8. Cung cấp cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ bản in của Điều Lệ và Bản Cáo Bạch Của Quỹ, báo cáo thường niên và các báo cáo khác của Quỹ, báo cáo thường niên của Ngân Hàng Giám Sát về công tác quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ và tất cả các sửa đổi và bổ sung và các tài liệu có liên quan khác nếu Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ yêu cầu;
9. Không đầu tư vào các chứng khoán hoặc tài sản mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người liên quan có quyền lợi trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó trừ khi được Pháp Luật cho phép;
10. Luôn luôn hoạt động vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và không lợi dụng vị thế là Công Ty Quản Lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ;
11. Đảm bảo việc định giá và kế toán của các Quỹ là chân thực, chính xác và đúng thời hạn;

12. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ là hoàn chỉnh, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ hoặc những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của các thông tin được công bố nêu trên hoặc các thông tin phải công bố theo quy định của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
13. Luôn hoạt động vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và không lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch vi phạm Pháp Luật và thông lệ chuyên nghiệp quốc tế tốt nhất;
14. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
15. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
16. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Avinash Deepak Satwalekar

Tổng Giám Đốc

Phụ lục 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015

Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ sẽ cam kết:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác và tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản của Quỹ, việc xác định NAV của Quỹ, việc xác định NAV trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với Điều Lệ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không trực tiếp hoặc gián tiếp lợi dụng vị thế của mình thu lợi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ làm tổn hại đến lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ;
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán hàng năm bởi công ty kiểm toán độc lập.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: 06/UBCK/GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005.

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015

Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thông qua đây cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
2. Cùng cam kết tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền biểu quyết phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phần/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo chỉ thị và vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tại Đại hội đồng cổ đông hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà Quỹ đã góp vốn vào đó.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ hoặc các giao dịch tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ hoặc Bản Cáo Bạch Của Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Avinash Deepak Satwalekar

Tổng Giám Đốc